LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TÂY NINH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

  **LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

 **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU**

 *Huyện Dương Minh Châu, ngày 02 tháng 01 năm 2018*

 Số: 304/BC-LĐLĐ

 *“V/v báo cáo tình hình lương,*

 *thưởng năm 2018”*

**Kính gửi:** - Các Công đoàn cơ sở doanh nghiệp trực thuộc Liên đoàn Lao động huyện.

Thực hiện chỉ đạo của Liên đoàn Lao động tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện mức lương tối thiểu vùng và tình hình lương, thưởng năm 2018;

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động huyện đề nghị các công đoàn cơ sở doanh nghiệp báo cáo và gửi về cho Liên đoàn Lao động huyện ***chậm nhất ngày 15/01/2018*** theo các biểu mẫu sau***:***

**Biểu số 1**

**Tình hình thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng năm 2018 theo
Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ**

*(Kèm theo công văn số 1870/LĐLĐ ngày 13/12/2017 của LĐLĐ tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Doanh nghiệp****Chỉ tiêu** | **Tổng số** | **Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ** | **Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước** | **Doanh nghiệp dân doanh, HTX** | **Doanh nghiệp FDI** |
|  | **(%)** |  | **(%)** |  | **(%)** |  | **(%)** |  | **(%)** |
| - Tổng số doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Tổng số NLĐ tại các doanh nghiệp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Số DN thực hiện việc điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu vùng năm 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Số NLĐ được điều chỉnh mức tiền lương tối thiểu vùng năm 2018 (người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Bình quân mức tiền lương được điều chỉnh (1.000 đồng); trong đó |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+ Vùng I:* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+ Vùng II:* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+ Vùng III:* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *+ Vùng IV:* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số DN chưa thực hiện việc điều chỉnh thang lương, bảng lương từ Nghị định số 205/2004/NĐ-CP sang Nghị định số 49/2013/NĐ-CP |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Các vướng mắc; kiến nghị, đề xuất:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày…… tháng…… năm ……***TM. BAN THƯỜNG VỤ** |

**Biểu số 2**

**Tình hình tiền lương năm 2017 và kế hoạch thưởng Tết năm 2018 ở các doanh nghiệp***(Kèm theo công văn số 1870/LĐLĐ ngày 13/12/2017 của LĐLĐ tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình doanh nghiệp****Chỉ tiêu** | **Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ** | **Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước** | **Doanh nghiệp dân doanh, HTX** | **Doanh nghiệp FDI** |
| **1. Chung** |  |  |  |  |
| - Tổng số doanh nghiệp  |  |  |  |  |
| - Tổng số người lao động của các doanh nghiệp |  |  |  |  |
| **2. Tiền lương năm 2017** |  |  |  |  |
| - Tổng số công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp báo cáo |  |  |  |  |
| - Tổng số người lao động của các công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp báo cáo (người) |  |  |  |  |
| - Tiền lương bình quân của các công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp báo cáo (1.000 đồng/người/tháng) |  |  |  |  |
| - Tiền lương của người lao động được trả tiền lương cao nhất trong các doanh nghiệp báo cáo (1.000 đồng/người/tháng) |  |  |  |  |
| - Tiền lương của người lao động được trả tiền lương thấp nhất trong các doanh nghiệp báo cáo (1.000 đồng/người/tháng) |  |  |  |  |
| **3. Tiền thưởng Tết năm 2018** |  |  |  |  |
| - Tổng số doanh nghiệp có kế hoạch thưởng Tết |  |  |  |  |
| - Tổng số lao động của các doanh nghiệp có kế hoạch thưởng Tết (người) |  |  |  |  |
| - Mức thưởng bình quân của các doanh nghiệp có kế hoạch thưởng Tết (1.000 đồng/người) |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Các vướng mắc; kiến nghị, đề xuất:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày…… tháng…… năm ……***TM. BAN THƯỜNG VỤ** |

**Biểu số 3**

**Tình hình nợ lương năm 2017**

*(Kèm theo công văn số 1870/LĐLĐ ngày 13/12/2017 của LĐLĐ tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Số doanh nghiệp nợ lương** | **Số người lao động bị nợ lương** | **Số tiền lương bị nợ (1.000 đồng)** |
| Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết |
| **Chung** |  |  |  |  |  |  |
| **1. Chia theo nguyên nhân** |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp gặp khó khăn buộc phải tạm ngừng hoạt động |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động |  |  |  |  |  |  |
| - Khác |  |  |  |  |  |  |
| **2. Chia theo ngành nghề** |  |  |  |  |  |  |
| - Dệt may |  |  |  |  |  |  |
| - Da giày |  |  |  |  |  |  |
| - Chế biến thủy sản |  |  |  |  |  |  |
| - Chế biến gỗ |  |  |  |  |  |  |
| - Điện tử |  |  |  |  |  |  |
| - Khác |  |  |  |  |  |  |
| **3. Chia theo loại hình** |  |  |  |  |  |  |
| - Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp dân doanh |  |  |  |  |  |  |
| - Doanh nghiệp FDI |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Các vướng mắc; kiến nghị, đề xuất:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…………, ngày…… tháng…… năm ……***TM. BAN THƯỜNG VỤ** |

**Nơi nhận:** **TM. BAN THƯỜNG VỤ**

- Như k/gửi; **PHÓ CHỦ TỊCH**

- Lưu VP.

 (Đã ký)

 **Nguyễn Văn Giàu**